

Số: /QĐ-UBND Bắc Giang, ngày tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án “Xây dựng trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND, UBMTTQ thị trấn Vôi”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 850/TTr-STNMT ngày 22/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Xây dựng trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND, UBMTTQ thị trấn Vôi ” (sau đây gọi là dự án) của Ủy ban nhân dân thị trấn Vôi (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định¹: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án tại Điều 1 Quyết định này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

¹ Thành lập theo Quyết định số 1243/QĐ-TNMT ngày 04/12/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải; UBND huyện Lạng Giang, UBND thị trấn Vôi và tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- UBND thị trấn Vôi (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
 - + Công thông tin điện tử tỉnh;
 - + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
 - + Lưu: VT, KTN Việt Anh

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN “ XÂY DỰNG TRỤ SỞ ĐẢNG ỦY-HĐND-UBND, UBMTTQ
THỊ TRẤN VÔI ”**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12 /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Xây dựng trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND, UBMTTQ thị trấn Vôi.

- Địa điểm thực hiện: Thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Chủ dự án: Ủy ban nhân dân thị trấn Vôi.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi: Dự án “Xây dựng trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND, UBMTTQ thị trấn Vôi” được thực hiện tại thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang với diện tích xây dựng khoảng 2,53 ha.

- Quy mô, công suất của dự án:

+ Xây dựng khối nhà làm việc: Tổng diện tích xây dựng trụ sở khoảng 2.484m² (trong đó khoảng 1.868m² diện tích làm việc và 616m² diện tích để xe;

+ Xây dựng các hạng mục phụ trợ bao gồm: cổng, nhà bảo vệ; tường rào dài 588m; sân đường bê tông: 11.700 m²; hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà như cấp điện, hệ thống cấp nước, thoát nước, hệ thống phòng cháy chữa cháy,...

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các hạng mục công trình của dự án đầu tư gồm: Xây mới nhà làm việc 4 tầng; xây dựng các hạng mục phụ trợ bao gồm: cổng, nhà bảo vệ; tường rào, sân đường bê tông; hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà như cấp điện, hệ thống cấp nước, thoát nước, hệ thống phòng cháy chữa cháy,...

- Hoạt động của dự án đầu tư:

+ Hoạt động san nền và thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

+ Hoạt động vận hành dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên với diện tích 18.687,8 m² là yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm đ, khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Việc chiếm dụng đất: Dự án chiếm dụng 25.353,4 m² đất, trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước: 18.687,8 m², còn lại là các loại đất khác (đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất có mặt nước chuyên dùng,...)

- Hoạt động giải phóng mặt bằng: Tác động do hoạt động chuẩn bị mặt bằng, phát quang thực vật,...

- Hoạt động san nền và thi công xây dựng các hạng mục công trình:

+ Bụi và khí thải phát sinh từ các nguồn sau:

++ Bụi phát sinh từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng và đất đắp nền; từ hoạt động san nền và đào đắp; từ quá trình bóc xúc, tập kết vật liệu xây dựng; từ quá trình thổi bụi để thi công mặt đường.

++ Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị thi công trên công trường.

++ Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn; từ quá trình trải bê tông nhựa nóng; từ quá trình sơn tường.

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng trên công trường; nước thải từ quá trình thi công xây dựng; nước mưa chảy tràn.

+ Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng; chất thải rắn từ hoạt động giải phóng mặt bằng; chất thải rắn từ hoạt động đào đắp san nền và chất thải rắn từ hoạt động thi công xây dựng.

+ Chất thải nguy hại gồm: Giẻ lau dính dầu mỡ, que hàn thải, ắc quy pin thải,...

- Tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các máy móc, thiết bị xây dựng (máy khoan, máy ủi, máy xúc,...); từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển ra vào dự án.

- Tác động gây nên bởi các rủi ro, sự cố như: Sự cố tai nạn lao động; sự cố cháy nổ; sự cố tai nạn giao thông; rủi ro về thiên tai,...

2.2. Giai đoạn vận hành

- Bụi, khí thải:

+ Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông ra vào dự án;

+ Khí thải phát sinh từ hoạt động của máy điều hòa nhiệt độ.

- Nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ và khách đến làm việc tại dự án.

+ Nước mưa chảy tràn qua mặt bằng dự án.

- Chất thải rắn thông thường

+ Chất thải rắn sinh hoạt từ các hoạt động của cán bộ làm việc tại trụ sở.

- + Bùn dư từ các bể tự hoại
- Chất thải nguy hại bao gồm: Găng tay, pin hỏng, bóng đèn huỳnh quang thải,...
- Tác động gây ra bởi rủi ro, sự cố như: Sự cố cháy nổ; sự cố do thiên tai; sự cố liên quan đến hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thu gom và xử lý nước thải,...

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải

*** Nước thải:**

- Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng khoảng 0,9 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng là tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, COD, dầu mỡ động thực vật, tổng Coliforms,...

- Nước thải thi công bao gồm nước thải phát sinh từ hoạt động rửa nguyên vật liệu; vệ sinh dụng cụ, thiết bị và xịt rửa bánh xe khoảng 4,3 m³/ngày đêm với thông số ô nhiễm đặc trưng là: Chất rắn lơ lửng (SS), BOD₅, COD, tổng dầu mỡ khoáng,...

- Nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn trên toàn bộ diện tích Dự án với lưu lượng khoảng 0,21 m³/s. Thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS)...

*** Bụi, khí thải:**

- Bụi phát sinh từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng và đất đắp nền; từ hoạt động san nền và đào đắp; từ quá trình bốc xúc, tập kết vật liệu xây dựng; từ quá trình thổi bụi để thi công mặt đường. Thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị thi công trên công trường. Thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, SO₂, NO_x, CO...

- Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn có thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, NO_x, khói hàn....

- Khí thải phát sinh từ quá trình trải bê tông nhựa nóng với thông số ô nhiễm đặc trưng là hơi hữu cơ VOCs.

- Khí thải phát sinh từ quá trình sơn tường với thông số ô nhiễm đặc trưng là hơi VOC_s.

3.1.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

*** Chất thải rắn thông thường:**

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân khoảng 10 kg/ngày.

- Sinh khối thực vật phát sinh từ hoạt động phát quang thảm thực vật khoảng 4,55 tấn, trong đó phần sinh khối có khả năng tận thu như gỗ, rơm, rạ, cành cây, lá khoảng 3,45 tấn và phần sinh khối không có khả năng tận thu để sử dụng như gốc, rễ, cỏ, cây bụi,...: Khoảng 1,1 tấn.

- Đất bóc hữu cơ: 4.671,95 m³.

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình thi công, xây dựng như vật liệu thừa, nguyên vật liệu rơi vãi, đầu mẩu sắt, thép, bìa carton, đầu dây cáp,...phát sinh khoảng 24 tấn.

* Chất thải nguy hại bao gồm: Giẻ lau dính dầu mỡ, que hàn thải, ắc quy pin thải,... phát sinh khoảng 13 kg/tháng.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các máy móc, thiết bị xây dựng (máy khoan, máy ủi, máy xúc,...); từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển ra vào dự án.

Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT áp dụng đối với tiếng ồn phát sinh từ dự án, QCVN 27:2010/BTNMT áp dụng đối với độ rung phát sinh từ dự án.

3.1.4. Các tác động khác

- Tác động của việc chiếm dụng đất; tác động đến giao thông khu vực và trên tuyến đường vận chuyển; tác động tới kinh tế - xã hội khu vực,...

- Tác động do rủi ro, sự cố như: Sự cố tai nạn lao động; sự cố cháy nổ; sự cố tai nạn giao thông; rủi ro về thiên tai,...

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Nước thải, khí thải

* Nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ và khách đến làm việc tại dự án khoảng 9 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng Coliforms,...

- Nước mưa chảy tràn trên toàn bộ diện tích dự án với lưu lượng lớn nhất khoảng 0,42 m³/s. Thông số ô nhiễm đặc trưng là tổng chất rắn lơ lửng (TSS), COD,...

* Khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông ra vào dự án. Thông số đặc trưng là bụi, CO, SO₂, NO_x,...

- Khí thải phát sinh từ hoạt động của máy điều hoà nhiệt độ.

3.2.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

* Chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ làm việc tại dự án khoảng 24,5 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là giấy, nhựa, plastic,

PVC, thủy tinh...

- Bùn thải phát sinh từ bể tự hoại khoảng 24,2 m³/năm.

* Chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại bao gồm: Găng tay, pin hỏng, bóng đèn huỳnh quang thải,... phát sinh khoảng 3 kg/tháng.

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn phát sinh không đáng kể từ hoạt động của phương tiện giao thông ra vào dự án.

3.2.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế - xã hội; tác động đến giao thông khu vực.

- Tác động do rủi ro, sự cố như: Sự cố cháy nổ; sự cố do thiên tai; sự cố liên quan đến hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thu gom và xử lý nước thải,...

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

* Nước thải sinh hoạt: Trên công trường, trang bị 01 nhà vệ sinh di động có bể chứa chất thải dung tích từ 7m³ đến 10m³ thiết kế đồng bộ hợp khối (bể xử lý 3 ngăn) đặt nổi, có trang bị bộ lọc nước thải. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút chất thải tại bể chứa chất thải mang đi xử lý theo quy định (tần suất khoảng 3 tháng/lần hoặc khi bể chứa đầy).

* Nước thải thi công xây dựng

- Quy hoạch thành một khu chứa và trộn nguyên vật liệu trong suốt quá trình thi công.

- Yêu cầu nhà thầu thi công thu gom và giữ vệ sinh mặt bằng sau mỗi ca làm việc.

- Sử dụng tỷ lệ nước phối trộn vật liệu vừa đủ, hạn chế rò rỉ nước ra ngoài môi trường, đồng thời tiết kiệm nguồn nước.

- Nước thải từ hoạt động rửa nguyên liệu, vệ sinh dụng cụ, thiết bị: Bố trí khoảng 02 thùng phuy dung tích 200 lít/thùng chứa nước thải rửa nguyên vật liệu; vệ sinh dụng cụ, thiết bị. Sau đó nước này được tận dụng cho công tác phối trộn vữa, bê tông,... hoặc đập bụi tại chỗ khu vực thi công, không thải ra ngoài môi trường.

- Nước thải từ hoạt động xịt rửa bánh xe: Xây dựng tại công trường thi công 01 hố lắng cấu tạo 03 ngăn, dung tích 03 m³/hố để thu gom, lắng lọc toàn bộ nước thải từ hoạt động rửa bánh xe. Nước thải sau khi lắng, lọc được tái sử dụng vào mục đích rửa bánh xe, làm ẩm nguyên vật liệu thi công, tưới nước đập bụi trên công trường thi công.

* Nước mưa chảy tràn:

- Vạch tuyến phân vùng thoát nước mưa. Các tuyến thoát nước tạm thời phải đảm bảo tiêu thoát triệt để, không gây úng ngập trong suốt quá trình xây dựng và không làm ảnh hưởng đến khả năng thoát thải của các khu vực bên ngoài dự án.

- Bố trí rãnh đất B400 đến B600, trên rãnh có bố trí các hố ga lắng cặn dung tích từ 1m³ đến 1,5m³ với khoảng cách trung bình giữa các hố ga từ 20m đến 30m, hướng thoát nước phù hợp theo thiết kế san nền hướng về các trục đường giao thông.

- Thường xuyên kiểm tra rãnh thoát nước, nạo vét bùn tại các hố ga với tần suất 02 lần/tuần và trước các trận mưa lớn để phòng ngừa tắc nghẽn đường cống thoát nước, tránh nguy cơ gây úng ngập.

4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Tưới nước trên công trường với tần suất 2 lần/ngày khi thực hiện công tác lu lèn, đầm nén để giảm bụi phát tán. Hoạt động phun nước rửa đường được thực hiện khi trời hanh khô phát sinh nhiều bụi, xe phun nước sử dụng đầu phun kiểu phun sương, chiều rộng tối đa phun 6m và lượng phun tưới 0,5 lít/m², quãng đường tưới nước dập bụi khoảng 1km tính từ chân công trường thi công.

- Tưới ẩm dọc theo các tuyến đường vận chuyển đất san nền và vật liệu xây dựng 02 lần/ngày trong phạm vi bán kính 1km từ dự án, và tăng tần suất lên 3-4 lần/ngày trong những ngày hanh khô và thi công ở khu vực gần khu dân cư.

- Sử dụng hàng rào tôn cao 2m (hoặc vật liệu khác phù hợp) che chắn xung quanh khu vực dự án để cách ly và giảm thiểu tác động của bụi tới môi trường xung quanh.

- Các phương tiện vận tải, các máy móc, thiết bị sử dụng sẽ được kiểm tra sự phát thải khí theo Tiêu chuẩn Việt Nam đối với CO, hydrocarbon và khói bụi (TCVN 6438-2001).

- Không sử dụng các phương tiện, thiết bị (xe, máy thi công quá cũ) đã quá thời gian đăng kiểm hoặc không được các trạm Đăng kiểm cấp phép do lượng khí thải vượt quá tiêu chuẩn cho phép.

- Tất cả các phương tiện vận chuyển nguyên liệu (đất, cát, xi măng, đá...) sẽ được phủ kín thùng xe để ngăn ngừa phát tán bụi vào môi trường.

- Trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động (găng tay, nón bảo hộ, kính bảo vệ mắt, khẩu trang...) cho công nhân làm việc tại công trường và tuyệt đối tuân thủ các quy định về an toàn lao động khi lập đề án tổ chức thi công.

- Trong quá trình hàn cắt kim loại che chắn bằng các vật liệu không cháy hoặc di chuyển các vật liệu dễ cháy ra khỏi khu vực hàn cắt (tối thiểu 10m). Không để vảy hàn có nhiệt độ cao tiếp xúc với các vật liệu dễ cháy, phải có biện pháp an toàn phòng cháy chữa cháy và phương án xử lý cháy, nổ. Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân trực tiếp hàn (khoảng 3 công nhân).

- Đối với bụi, khí thải từ quá trình trải thảm bê tông nhựa nóng:

+ Thi công đến đâu vệ sinh sạch đến đó để giảm thiểu tối đa lượng bụi phát sinh trên mặt đường cần thi công; khi thi công thổi bụi chọn thời điểm thích hợp ít

người qua lại; ít ảnh hưởng đến nhà dân; thổi bụi xuôi theo hướng gió và đúng kỹ thuật để giảm tối đa khả năng phát tán bụi ra xa.

+ Sử dụng công nghệ trải thảm bê tông nhựa nóng được cơ quan chuyên ngành thẩm định và phê duyệt:

+ Trước khi rải lớp bê tông nhựa cần làm sạch, bằng phẳng và làm khô mặt lớp móng, tưới nhựa thấm bám trên lớp mặt móng trước khi tiến hành rải lớp bê tông nhựa nóng. Kiểm tra chặt chẽ chất lượng để đảm bảo hỗn hợp bê tông nhựa nóng sản xuất đạt đúng yêu cầu kỹ thuật.

+ Trang bị khẩu trang phòng độc, kính phòng hộ bảo vệ mắt, găng tay, mũ, quần áo bảo hộ cho công nhân.

- Thực hiện biện pháp làm thông thoáng khu vực sơn tường ở trong nhà: Mở cửa sổ và cửa chính. Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân trực tiếp sơn tường và hướng dẫn người lao động sử dụng bảo hộ lao động đầy đủ và đúng cách.

4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

* Chất thải rắn sinh hoạt:

Trang bị 02 thùng chứa rác dung tích 100 lít/thùng tại lán trại của công nhân để thu gom, phân loại chất thải, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định (tần suất 01 ngày/lần).

* Chất thải từ hoạt động phát quang thảm thực vật: Tạo điều kiện để cho các hộ dân thu gom toàn bộ cây trồng trên đất tận dụng tối đa vào các mục đích khác nhau. Phần chất thải còn lại không tận dụng được: Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển mang đi xử lý theo quy định.

- Toàn bộ đất bóc hữu cơ được tận dụng trồng cây xanh trong khu vực dự án, không đổ thải.

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình thi công, xây dựng được phân loại và xử lý như sau:

+ Các chất thải có thể tái chế hoặc tái sử dụng như đầu mẫu sắt, thép; bìa carton,...: Thu gom và bán cho đơn vị thu mua.

+ Các loại chất thải như gạch vỡ, vữa dư thừa,...: Thu gom và tận dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng trong phạm vi xây dựng.

+ Các chất thải khác không tận dụng được: Thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển mang đi xử lý theo quy định (tần suất dự kiến: 1 lần/tuần).

4.1.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Bố trí 03 thùng phuy có nắp đậy, dung tích 200 lít/thùng để thu gom, lưu trữ

tạm thời chất thải nguy hại. Mỗi thùng chứa được dán nhãn tên, mã chất thải nguy hại theo quy định. Bố trí khu vực lưu trữ tạm thời chất thải nguy hại, có biển báo theo đúng quy định (dùng loại Container chứa có dung tích 6 m³). Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định (tần suất 01 lần sau khi kết thúc giai đoạn thi công xây dựng).

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng, tra dầu mỡ, bôi trơn các thiết bị có khả năng gây ồn.

- Các thiết bị thi công gây tiếng ồn lớn không được hoạt động trong khoảng thời gian từ 18 giờ đến 6 giờ sáng hôm sau và từ 11 giờ đến 13 giờ chiều hàng ngày.

- Sử dụng các loại xe, máy thi công phù hợp nhằm đảm bảo về quy chuẩn kỹ thuật tiếng ồn, giảm tốc độ của xe cộ khi qua khu vực dân cư. Kiểm tra mức ồn, rung trong quá trình xây dựng, từ đó đặt ra lịch thi công cho phù hợp để đạt mức ồn tiêu chuẩn cho phép theo các quy chuẩn hiện hành.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cần thiết cho người lao động theo Hướng dẫn tại Thông tư số 25/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/11/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Công nhân thi công trên công trường sẽ được trang bị bảo hộ lao động hạn chế hoặc chống ồn như mũ bảo hiểm, chụp tai.

- Tùy theo từng loại máy móc cụ thể để có biện pháp khắc phục như lắp các bộ tắt chấn động lực, sử dụng vật liệu phi kim loại, thay thế nguyên lý làm việc khí nén bằng thủy khí, thay đổi chế độ tải làm việc,...

- Chống rung bằng việc hạn chế số lượng thiết bị thi công đồng thời; bố trí cự ly của các thiết bị có cùng độ rung để tránh cộng hưởng.

4.1.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Phổ biến nội quy an toàn lao động đối với toàn bộ công nhân tham gia thi công.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, các thiết bị ứng phó kịp thời với sự cố xảy ra.

- Thành lập đội phòng cháy chữa cháy được lựa chọn từ các công nhân tham gia thi công lực lượng này được tổ chức học tập huấn luyện nghiệp vụ cơ bản về công tác phòng cháy chữa cháy (báo cáo viên mời lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp giảng dạy).

- Thành lập Ban chỉ huy và thường xuyên tổ chức tập huấn định kỳ về công tác phòng cháy, chữa cháy.

- Bố trí bể chứa nước, đồng thời bố trí các thùng phuy 100 lít đựng cát khô.

- Xe chở đúng trọng tải quy định, sử dụng đúng nhiên liệu với thiết kế của động cơ và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về lưu thông. Không sử dụng xe quá tải trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công dự án;

- Các phương tiện vận chuyển phải đảm bảo đủ các điều kiện lưu hành, được kiểm định đúng quy định của Bộ Giao thông vận tải.

- Bố trí 02 người chỉ dẫn đường để phân luồng giao thông, hạn chế tối đa sự tập trung quá đông các phương tiện giao thông cùng lúc. Treo biển chỉ dẫn hạn chế tốc độ tại các 2 đầu đoạn đường có khu vực công trường thi công để cảnh báo và tránh các tai nạn đáng tiếc;

- Lập rào chắn tại khu vực công trường thi công, có bố trí các biển báo, cảnh báo nguy hiểm...Thắp đèn chiếu sáng và lắp đèn tín hiệu cảnh báo tại đoạn đường có công trường thi công khi trời tối.

- Thường xuyên nạo vét hệ thống cống rãnh, khơi thông dòng chảy, tăng khả năng tiêu thoát úng, thoát nước cho hệ thống thoát nước trong mùa mưa bão.

- Sử dụng các máy bơm công suất lớn để bơm nước tại vị trí ngập úng thoát ra khu vực lân cận chưa bị ngập úng.

4.2. Giai đoạn vận hành

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.2.1.1. Công trình và biện pháp thu gom và xử lý nước thải

* Nước thải sinh hoạt:

- Nước thải từ khu nhà vệ sinh được thoát kín hoàn toàn trong hệ thống ống dẫn vào 03 bể tự hoại 5 ngăn cải tiến có tổng thể tích 40m³ được xây ngầm (bể sử dụng vật liệu lọc là cát và than hoạt tính và có khay chứa viên nén khử trùng Cloramin B) để xử lý nước thải đảm bảo nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B sau đó theo hệ thống ống HDPE gân xoắn D200 có chiều dài 302m dẫn nước thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Định kỳ 3 tháng/lần, bổ sung men vi sinh xuống bể tự hoại để tăng hiệu quả xử lý nước thải.

- Định kỳ 1 năm/lần thay vật liệu lọc (cát và than hoạt tính) ở ngăn lọc 2 của bể tự hoại để tăng hiệu quả xử lý nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra viên nén khử trùng Cloramin B ở khay chứa và kịp thời bổ sung khi các viên nén gần bị mài mòn hết.

* Nước mưa chảy tràn:

Nước mưa được thu vào các rãnh B400 (dọc theo rãnh thoát nước có bố trí các hố ga để lắng cặn) sau đó dẫn về cống tròn D400 có chiều dài 572m chạy quanh khu đất và kết nối ra 2 điểm thoát vào cống thoát nước mưa D800 theo quy hoạch chung của thị trấn.

- Định kỳ 6 tháng/lần chủ dự án tiến hành kiểm tra, nạo vét hệ thống thoát nước, kiểm tra phát hiện hỏng hóc để có kế hoạch sửa chữa, thay thế kịp thời.

4.2.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Bố trí một cách hợp lý hệ thống cây xanh. Cây xanh có tác dụng rất lớn trong việc hạn chế ô nhiễm không khí như giữ bụi, lọc sạch không khí, cản trở

tiếng ồn phát tán.

- Toàn bộ mặt bằng sân, đường được trải nhựa hoặc bê tông hóa
- Thường xuyên quét dọn, vệ sinh khu vực xung quanh dự án.

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.2.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường.

* Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí khoảng 15 thùng rác dung tích 80lít/thùng đặt tại các góc khuôn viên và hành lang các tầng của khu nhà làm việc để thu gom, lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải theo quy định (tần suất 01 lần/ngày).

* Bùn từ bể tự hoại: Định kỳ 01 năm/lần hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút bùn tại bể tự hoại mang đi xử lý theo quy định.

4.2.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Bố trí 02 thùng chứa có nắp đậy, dung tích 80 lít/thùng được đặt ở 1 góc của khu vực nhà để xe (có mái che kín) để lưu giữ toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh tại dự án. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng đến vận chuyển mang đi xử lý theo quy định (Tần suất khoảng 01 năm/lần).

4.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Trồng cây xanh trong khu vực dự án vừa có tác dụng giảm lượng bụi, vừa làm giảm tác động của tiếng ồn.

4.2.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Trang bị bình chữa cháy tại các vị trí cần thiết đảm bảo ứng cứu kịp thời các sự cố xảy ra.

- Dán niêm yết các nội quy phòng chống cháy nổ tại các khu vực công cộng, đặc biệt treo biển cấm lửa hoặc cấm hút thuốc tại những nơi dễ xảy ra sự cố cháy nổ.

- Tuân thủ các phương án quy hoạch hệ thống thoát nước mưa, nước thải, đảm bảo cao độ cos nền và xây dựng hệ thống mương rãnh đảm bảo tiêu thoát nước tự nhiên khi mưa to kéo dài.

- Thường xuyên kiểm tra đường cống thoát nước, tránh tắc, ú đọng (kiểm tra hàng ngày và khi trời mưa). Khi có sự cố xảy ra nhanh chóng tìm hiểu nguyên nhân sự cố và khắc phục kịp thời. Định kỳ 6 tháng/lần nạo vét bùn cho hệ thống thoát nước mưa, khơi thông dòng chảy, tăng khả năng tiêu thoát úng, thoát nước mưa cho hệ thống thoát nước trong mùa mưa bão.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các hạng mục trong hệ thống thu gom nước thải nhằm kịp thời phát hiện các khu vực xuống cấp, rạn nứt cần được tu sửa hoặc xây mới.

- Thi công xây dựng bể tự hoại theo đúng thiết kế. Trong quá trình vận hành

cần định kỳ bổ sung chế phẩm sinh học, thay các vật liệu lọc và quả cầu đệm vi sinh, định kỳ 12 tháng /lần thuê đơn vị có chức năng đến hút bùn tại bể tự hoại mang đi xử lý theo quy định.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Trong giai đoạn thi công, xây dựng

** Không khí làm việc*

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực thi công xây dựng
- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, bụi, tiếng ồn, CO, SO₂, NO₂
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT; QCVN 26:2016/BYT, QCVN 24:2016/BYT.

** Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại*

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; định kỳ chuyển giao các loại chất thải này cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

5.2. Trong giai đoạn vận hành dự án

5.2.1. Nước thải

- Nước thải của dự án phát sinh khoảng 9 m³/ngày đêm. Căn cứ khoản 2 Điều 97 và Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ đối với nước thải.

** Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại*

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; định kỳ chuyển giao các loại chất thải cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn được sử dụng để so sánh đánh giá chất lượng môi trường trong chương trình giám sát nêu trên là những tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành phù hợp với thời điểm quan trắc, giám sát theo quy định.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện trách nhiệm của Chủ dự án theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định khác về trách nhiệm của Chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định trước khi đưa dự án vào

hoạt động chính thức theo quy định.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải thi công đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường.

- Thực hiện kiểm soát các nguồn thải phát sinh (bụi, khí thải, nước thải, tiếng ồn) đảm bảo không gây ô nhiễm, ảnh hưởng tới môi trường và các đối tượng xung quanh.

- Tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định về ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật hiện hành khác trong quá trình thực hiện dự án.

- Khối lượng đất đào tận dụng lại cho dự án, chủ dự án phải thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan.

- Trong quá trình thực hiện, nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 850/TTr-STNMT ngày 22/12/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.